



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG I



GIÁO TRÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ SẢN XUẤT

TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

NGHỀ: CÔNG NGHỆ Ô TÔ

Ban hành theo Quyết định số 1955/QĐ-CĐGTVT TWI-ĐT ngày 21/12/2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng GTVT Trung ương I

2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN:

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo nghề và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Hiện nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, và đặc biệt là trong tổ chức sản xuất, tổ chức sản xuất đã phát triển rất mạnh và được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực khoa học, đối với người thợ sửa chữa ô tô, ngoài việc sau khi ra trường sinh viên cần nắm chắc những kiến thức về chuyên môn, sinh viên cần trang bị cho mình một số kiến thức chung về tổ chức sản xuất. Tổ chức sản xuất là một môn học ra đời đã đáp ứng được một phần của yêu cầu đó. Trong môn học này sẽ trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về tổ chức sản xuất, giúp sinh viên hiểu được bản chất các doanh nghiệp sản xuất, ngành công nghệ ô tô.

Nội dung của giáo trình biên soạn được dựa trên sự kế thừa nhiều tài liệu của các trường đại học và cao đẳng, kết hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên các trường dạy nghề trong cả nước. Để giúp cho sinh viên có thể nắm được những kiến thức cơ bản nhất của môn tổ chức sản xuất, nhóm biên soạn đã sắp xếp môn học theo từng chương theo thứ tự:

Chương 1: Khái niệm chung về tổ chức và quản lý sản xuất.

Chương 2: Nguyên lý cơ bản của hệ thống tổ chức quản lý sản xuất

Chương 3: Phương pháp nghiên cứu và phân tích thị trường

Chương 4: Lập kế hoạch sản xuất và quản lý kế hoạch

Chương 5: Cách thức đánh giá và phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm

Chương 6: Mở rộng và phát triển doanh nghiệp.

Kiến thức trong giáo trình được biên soạn theo chương trình dạy nghề đã được Hiệu trưởng phê duyệt, sắp xếp logic và cô đọng. Sau mỗi bài học đều có các câu hỏi, bài tập đi kèm để sinh viên có thể nâng cao tính thực hành của môn học. Do đó, người đọc có thể hiểu một cách dễ dàng các nội dung trong chương trình.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi sai sót, tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của người đọc để lần xuất bản sau giáo trình được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

ĐỀ MỤC	TRANG
Lời giới thiệu	2
Mục lục	4
Chương 1: Khái niệm chung về tổ chức và quản lý sản xuất.	8
Chương 2: Nguyên lý cơ bản của hệ thống tổ chức quản lý sản xuất	27
Chương 3: Phương pháp nghiên cứu và phân tích thị trường	32
Chương 4: Lập kế hoạch sản xuất và quản lý kế hoạch	43
Chương 5: Cách thức đánh giá và phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm	53
Chương 6: Mở rộng và phát triển doanh nghiệp.	61
Tài liệu tham khảo	71

CHƯƠNG 1:

KHÁI NIỆM CHUNG VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ SẢN XUẤT

Mã số của chương 1: MĐ 48- 01

Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm cơ bản, vai trò và vị trí, các đặc điểm và yêu cầu cơ bản của xí nghiệp sản xuất công nghiệp
- Phân tích rõ các khái niệm cơ bản về việc tạo lập doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Tuân thủ đúng quy định, quy phạm trong tổ chức sản xuất,
- Rèn luyện tác phong làm việc nghiêm túc, cẩn thận.

Nội dung chính:

1.1 KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ VỊ TRÍ CỦA XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT

Mục tiêu

- Trình bày được các khái niệm, vai trò và vị trí của xí nghiệp sản xuất công nghiệp.

1.1.1 Khái niệm

Xí nghiệp sản xuất là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định được đăng ký sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hoá hoặc tiến hành hoạt động dịch vụ nhằm sinh lợi và đáp ứng yêu cầu của thị trường. Sau khi đăng ký và được Nhà nước cho phép hoạt động, mọi xí nghiệp đều có tư cách pháp nhân, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật. Ngoài các xí nghiệp hiện nay nước ta phát triển mạnh các doanh nghiệp như: các nhà máy, công ty, tổng công ty, nông trường.

Ngoài ra, trong nền kinh tế thị trường hiện nay, loại hình dịch vụ được phát triển mạnh và ngày càng giữ một vị trí quan trọng. Một số loại dịch vụ như:

- Dịch vụ y tế: tư vấn, chữa bệnh chăm sóc sức khoẻ,...
- Dịch vụ Bưu điện
- Dịch vụ vui chơi giải trí
- Dịch vụ ăn uống nhà hàng, khách sạn.
- Dịch vụ tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm.
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa.
- Dịch vụ vận chuyển hàng hoá và hành khách.
- Dịch vụ du lịch.
- Dịch vụ tư vấn.
- Dịch vụ thẩm mỹ,...

Các dịch vụ là một tổ chức sống, nó được lập ra theo mục đích của chủ sở hữu, phát triển hưng thịnh hoặc sa sút mà nếu không có giải pháp có thể sẽ dẫn tới phá sản.

1.1.2 Vai trò

Để duy trì cuộc sống của con người và xã hội phải có những cơ sở đáp ứng các nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ khác nhau. Xí nghiệp ra đời và tồn tại chính là đơn vị trong nền kinh tế quốc dân, trực tiếp sản xuất ra sản phẩm hàng hoá, là nơi cung cấp sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, tạo ra các cửa của cải và các dịch vụ để thoả mãn những nhu cầu đó.

+ Quá trình hoạt động, xí nghiệp mua các yếu tố đầu vào như nguyên liệu, máy móc, thiết bị,...Để sản xuất ra của cải vật chất bán cho các doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng, thông qua đó để thu lợi nhuận.

+ Xí nghiệp, doanh nghiệp là nơi cung cấp nguồn tài chính chủ yếu cho đất nước thông qua đóng thuế và các khoản tài chính khác, góp phần làm tăng trưởng nền kinh tế quốc dân.

1.1.3 Vị trí của xí nghiệp sản xuất

+ Sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cho xã hội.

+ Tạo việc làm, thu hút lực lượng lao động dư thừa trong nước và ngày càng nâng cao đời sống cho người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước. Chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách, pháp luật, luật kinh tế,...

+ Quá trình hoạt động, doanh nghiệp mua các yếu tố đầu vào như nguyên liệu, máy móc, thiết bị,...Để sản xuất ra của cải vật chất bán cho các doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng, thông qua đó để thu lợi nhuận.

+ Tạo ra lợi nhuận để duy trì hoạt động kinh doanh

+ Xí nghiệp, doanh nghiệp là nơi cung cấp nguồn tài chính chủ yếu cho đất nước thông qua đóng thuế và các khoản tài chính khác, góp phần làm tăng trưởng nền kinh tế quốc dân.

+ Không ngừng đầu tư phát triển doanh nghiệp đi đôi với nâng cao đời sống người lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ trật tự an toàn, an ninh xã hội.

1.2 ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT

Mục tiêu:

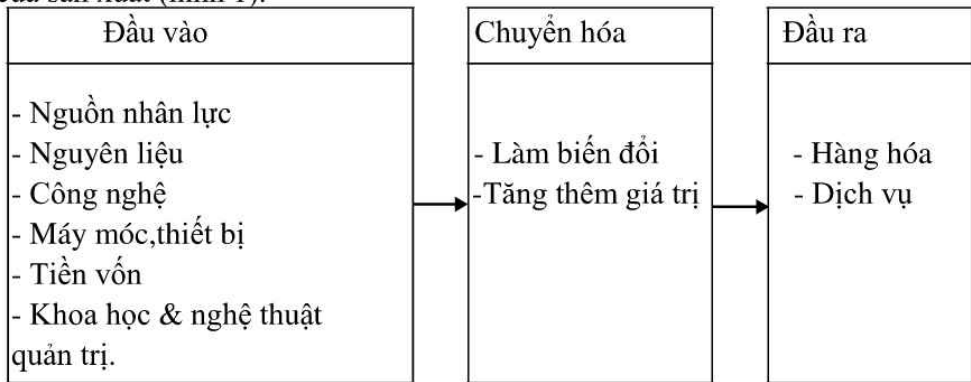
- Trình bày được các đặc điểm cơ bản của xí nghiệp, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

Đặc điểm

Theo quan niệm phổ biến trên thế giới thì sản xuất được hiểu là quá trình tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ. Nước ta lâu nay thường cho rằng chỉ có những doanh nghiệp chế tạo, sản xuất các sản phẩm vật chất có hình thái cụ thể như xi măng, tủ lạnh,...mới gọi là các đơn vị sản xuất. Những đơn vị khác

không sản xuất các sản phẩm vật chất đều xếp vào loại các đơn vị phi sản xuất. Ngày nay trong nền kinh tế thị trường, quan niệm như vậy không còn phù hợp nữa.

Một hệ thống sản xuất sử dụng các yếu tố đầu vào là nguyên vật liệu thô, con người, máy móc, nhà xưởng, kỹ thuật công nghệ, tiền mặt và các nguồn tài nguyên khác để chuyển đổi nó thành sản phẩm hoặc dịch vụ. Sự chuyển đổi này là hoạt động trọng tâm và phổ biến của hệ thống sản xuất. Mối quan tâm hàng đầu của các nhà quản trị hệ thống sản xuất, là các hoạt động chuyển hóa của sản xuất (hình 1).



Hình 1: Sơ đồ quá trình sản xuất.

Như vậy, về thực chất sản xuất chính là quá trình chuyển hóa các yếu tố đầu vào biến chúng thành các sản phẩm hoặc dịch vụ ở đầu ra. Ta có thể hình dung quá trình này như trong sơ đồ trên.

Theo nghĩa rộng, sản xuất bao hàm bất kỳ hoạt động nào nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người. Nó có thể phân thành: sản xuất bậc 1; sản xuất bậc 2 và sản xuất bậc 3.

- Sản xuất bậc 1 (sản xuất sơ chế): là hình thức sản xuất dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên hoặc là những hoạt động sử dụng các nguồn tài nguyên có sẵn, còn ở dạng tự nhiên như khai thác quặng mỏ, khai thác lâm sản, đánh bắt hải sản, trồng trọt,...

- Sản xuất bậc 2 (công nghiệp chế biến): là hình thức sản xuất, chế tạo, chế biến các loại nguyên liệu thô hay tài nguyên thiên nhiên biến thành hàng hóa như gỗ chế biến thành bàn ghế, quặng mỏ biến thành sắt thép. Sản xuất bậc 2 bao gồm cả việc chế tạo các bộ phận cấu thành được dùng để lắp ráp thành sản phẩm tiêu dùng và sản phẩm công nghiệp.

- Sản xuất bậc 3 (công nghiệp dịch vụ): Cung cấp hệ thống các dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của con người. Trong nền sản xuất bậc 3, dịch vụ được sản xuất ra nhiều hơn các hàng hóa hữu hình. Các nhà sản xuất

công nghiệp được cung cấp những điều kiện thuận lợi và dịch vụ trong phạm vi rộng lớn. Các công ty vận tải chuyên chở sản phẩm của các nhà sản xuất từ nhà máy đến các nhà bán lẻ. Các nhà bán buôn và nhà bán lẻ cung cấp các dịch vụ đến người tiêu dùng cuối cùng. Ngoài ra còn nhiều loại dịch vụ khác như: bốc dỡ hàng hóa, bưu điện, viễn thông, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, y tế, giáo dục, nhà hàng, khách sạn,...

- Xí nghiệp, doanh nghiệp sản xuất là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch
- Là một pháp nhân đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật
- Có đăng ký ngành nghề, sản phẩm, dịch vụ; quy mô nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.
- Giám đốc xí nghiệp nhà nước do nhà nước cử để thay mặt Nhà nước quản lý và điều hành, đồng thời chịu trách nhiệm trước nhà nước về toàn bộ hoạt động của xí nghiệp, doanh nghiệp.

Đặc điểm của sản xuất hiện đại

Quản trị sản xuất ngày càng được các nhà quản trị cấp cao quan tâm, coi đó như là một vũ khí cạnh tranh sắc bén. Sự thành công chiến lược của xí nghiệp, doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào sự đánh giá, tạo dựng, phát triển các nguồn lực từ chức năng sản xuất. Sản xuất hiện đại có những đặc điểm:

- Thứ nhất, sản xuất hiện đại yêu cầu phải có kế hoạch hợp lý khoa học, có đội ngũ kỹ sư giỏi, công nhân được đào tạo tốt và thiết bị hiện đại.
- Thứ hai, quan tâm ngày càng nhiều đến thương hiệu và chất lượng sản phẩm. Đây là một tất yếu khách quan khi mà tiến bộ kỹ thuật ngày càng phát triển với mức độ cao và yêu cầu của cuộc sống ngày càng nâng cao.
- Thứ ba, càng nhận thức rõ con người là tài sản quý nhất của công ty. Yêu cầu ngày càng cao của quá trình sản xuất, cùng với sự phát triển của máy móc thiết bị, vai trò năng động của con người trở nên chiếm vị trí quyết định cho sự thành công trong các hệ thống sản xuất.
- Thứ tư, sản xuất hiện đại ngày càng quan tâm đến vấn đề kiểm soát chi phí. Việc kiểm soát chi phí được quan tâm thường xuyên hơn trong từng chức năng, trong mỗi giai đoạn quản lý.
- Thứ năm, sản xuất hiện đại dựa trên nền tảng tập trung và chuyên môn hóa cao. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật đã làm cho các công ty thấy rằng không thể tham gia vào mọi lĩnh vực, mà cần phải tập trung vào lĩnh vực nào mình có thể mạnh để giành vị thế cạnh tranh.
- Thứ sáu, sản xuất hiện đại cũng thừa nhận yêu cầu về tính mềm dẻo của hệ thống sản xuất. Sản xuất hàng loạt, qui mô lớn đã từng chiếm ưu thế làm giảm

chi phí sản xuất. Nhưng khi nhu cầu ngày càng đa dạng, biến đổi càng nhanh thì các đơn vị vừa, nhỏ, độc lập mềm dẻo có vị trí thích đáng.

- Thứ bảy, sự phát triển của cơ khí hoá trong sản xuất từ chỗ thay thế cho lao động nặng nhọc, đến nay đã ứng dụng nhiều hệ thống sản xuất tự động điều khiển bằng chương trình.

- Thứ tám, ngày càng ứng dụng nhiều thành tựu của công nghệ tin học, máy tính trợ giúp đắc lực cho các công việc quản lý hệ thống sản xuất.

- Thứ chín, mô phỏng các mô hình toán học được sử dụng rộng rãi để hỗ trợ cho việc ra quyết định sản xuất – kinh doanh.

1.3 ĐẶC TÍNH CỦA CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm và đặc tính của các loại hình doanh nghiệp

1.3.1 Khái niệm về doanh nghiệp

Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế có tên gọi, có địa chỉ được thành lập để thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hoá hoặc tiến hành hoạt động dịch vụ nhằm sinh lợi và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Doanh nghiệp bao gồm: Các nhà máy, xí nghiệp, công ty, cửa hàng, nông trường, công trường.

Sau khi đăng kí và được Nhà nước cho phép hoạt động, mọi doanh nghiệp đều có tư cách pháp nhân, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thường có hai lĩnh vực kết hợp chặt chẽ với nhau:

+ *Hoạt động sản xuất*: Là quá trình sử dụng các yếu tố đầu vào như lao động, phương tiện, vật tư... để tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

+ *Hoạt động lưu thông, phân phối hàng hoá và dịch vụ*: là quá trình bán sản phẩm hoặc dịch vụ để thu tiền, thực hiện việc trả lương.

+ Tuy nhiên tùy theo khả năng của doanh nghiệp mà có thể thực hiện sản xuất hay kinh doanh toàn bộ hay một phần của công việc (VD: doanh nghiệp chỉ sản xuất một bộ phận chi tiết trong xe máy, doanh nghiệp chỉ làm đại lí phân phối mà không bán lẻ,...)

Ngoài ra trong nền kinh tế thị trường hiện nay, loại hình dịch vụ được phát triển mạnh và ngày càng giữ một vị trí quan trọng. Một số loại dịch vụ như:

- Dịch vụ y tế: tư vấn, chữa bệnh chăm sóc sức khoẻ,...
- Dịch vụ Bưu điện
- Dịch vụ vui chơi giải trí
- Dịch vụ ăn uống nhà hàng, khách sạn.
- Dịch vụ tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm.

- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa.
- Dịch vụ vận chuyển hàng hoá và hành khách.
- Dịch vụ du lịch.
- Dịch vụ tư vấn.
- Dịch vụ thẩm mỹ, ...

Doanh nghiệp là một tổ chức sống, nó được lập ra theo mục đích của chủ sở hữu, phát triển hưng thịnh hoặc sa sút mà nếu không có giải pháp có thể sẽ dẫn tới phá sản.

1.3.2 Phân loại doanh nghiệp

1.3.2.1 Phân loại doanh nghiệp theo hình thức sở hữu vốn.

Doanh nghiệp tư nhân: Là Doanh nghiệp mà vốn của tư nhân bỏ ra đầu tư để xây dựng và phát triển Doanh nghiệp (Tư nhân có thể là một cá nhân hay một tập thể cá nhân)

Doanh nghiệp liên doanh: Là Doanh nghiệp hợp vốn của nhà nước và của tư nhân, bao gồm:

- + Doanh nghiệp liên doanh giữa chủ tư nhân nước ngoài với doanh nghiệp nhà nước.
- + Doanh nghiệp liên doanh giữa Doanh nghiệp nước ngoài với Doanh nghiệp trong nước.

Doanh nghiệp Nhà nước: Là Doanh nghiệp mà vốn đầu tư do Nhà nước bỏ ra giao cho tập thể quản lý, sử dụng vào việc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm mục đích sinh lời, tạo việc làm cho người lao động và phát triển kinh tế xã hội.

Doanh nghiệp Hợp doanh: (Công ty cổ phần) Vốn do nhiều tư nhân hợp lại. Hiện nay, để nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính tự chủ của các doanh nghiệp. Doanh nghiệp nhà nước đang chuyển dần thành các công ty cổ phần. Toàn bộ vốn của doanh nghiệp (Bao gồm cả tài sản, nhà xưởng, đất đai, hàng hoá, tiền mặt,...) được chia thành nhiều cổ phần, mọi cá nhân có đủ điều kiện sẽ được sở hữu một số cổ phần nhất định, lợi nhuận hàng năm được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ số lượng cổ phần.

1.3.2.2 Phân loại doanh nghiệp theo qui mô.

- + Doanh nghiệp nhỏ.
- + Doanh nghiệp vừa.
- + Doanh nghiệp lớn.
- + Việc phân loại dựa vào doanh thu hàng năm, vào số lượng lao động trong doanh nghiệp. Hiện nay ở nước ta chủ yếu là Doanh nghiệp vừa và nhỏ, rất ít Doanh nghiệp lớn. Những Doanh nghiệp lớn thường là các tổng công ty do Nhà nước quản lý.

1.3.2.3 Phân loại theo ngành nghề.

- + Doanh nghiệp Công nghiệp.
- + Doanh nghiệp Nông nghiệp.
- + Doanh nghiệp y tế.
- + Doanh nghiệp Xây dựng.

1.3.2.4 Phân loại theo trình độ sản xuất.

- + Doanh nghiệp thủ công.
- + Doanh nghiệp có công nghệ cao.

1.3.2.5 Phân loại theo lĩnh vực hoạt động.

- + Doanh nghiệp sản xuất.
- + Doanh nghiệp lưu thông.
- + Doanh nghiệp dịch vụ.
- + Doanh nghiệp du lịch...

Trước đây, các Doanh nghiệp nước ta thường là thủ công, trang thiết bị nghèo nàn, lạc hậu, nên sản xuất khó phát triển, hàng hoá chất lượng kém, khả năng cạnh tranh thấp. Trong những năm gần đây, việc tăng cường đầu tư thiết bị, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng hàng hoá, tăng sức cạnh tranh cho Doanh nghiệp đã được Nhà nước quan tâm, được các cơ sở sản xuất mạnh dạn đầu tư, áp dụng.

1.4 KHẢO SÁT CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Mục tiêu

- Phân tích rõ các khái niệm cơ bản về việc tạo lập doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.4.1 Doanh nghiệp Nhà nước.

Khái niệm.

Doanh nghiệp nhà nước là một tổ chức kinh tế do Nhà nước đầu tư vốn và tổ chức quản lý điều hành vì mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, tạo việc làm cho người lao động.

Đặc điểm.

Mọi tài sản, vật tư, vốn, sản phẩm làm ra đều thuộc sở hữu của nhà nước, của toàn dân.

Giám đốc doanh nghiệp do nhà nước cử để thay mặt Nhà nước quản lý và điều hành, đồng thời chịu trách nhiệm trước nhà nước về toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

Vai trò và nhiệm vụ của doanh nghiệp nhà nước trong nền sản xuất hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý, điều tiết của nhà nước hiện nay.

Sau hoà bình lập lại (1954), Miền Bắc bước vào xây dựng Chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung đã có những tác dụng tích cực trong

việc huy động sức người và của cải vật chất phục vụ cho công cuộc giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Mô hình nền kinh tế như vậy được kéo dài cho đến những năm đầu của thập kỉ 80 và đã bộc lộ những mặt hạn chế yếu kém như: Sản xuất chậm phát triển, tính trì trệ trong công tác nảy sinh nên đã không phát huy được tính chủ động sáng tạo trong công việc. Chính vì những lí do đó mà nền kinh tế nước ta ngày càng kém xa các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Năm 1981, việc thực hiện giao ruộng đất cho nông dân đã mang lại hiệu quả to lớn, từ chỗ thiếu lương thực chúng ta đã từng bước tự túc được lương thực để rồi từ năm 1989 chúng ta đã là nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ ba thế giới (sau Mỹ và Thái Lan). Chính sách đó đã tạo tiền đề cho một công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế. Năm 1986, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đảng ta đã đề ra Nghị quyết về đổi mới toàn diện nền kinh tế, từng bước xoá bỏ bao cấp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tự vận động theo cơ chế thị trường. Thành phần tham gia làm kinh tế được mở rộng, doanh nghiệp được quyền chủ động sản xuất kinh doanh, Nhà nước đóng vai trò quản lí và điều tiết nền kinh tế.

Để thực hiện được việc quản lí và điều tiết nền kinh tế, ổn định thị trường Nhà nước chủ động nắm giữ các doanh nghiệp nhà nước trọng yếu như:

- + Các cơ sở kết cấu hạ tầng: Giao thông đường sắt, đường biển, hàng không, bưu chính viễn thông, điện lực,...
- + Những cơ sở quan trọng trong công nghiệp nặng: dầu khí, luyện kim, hầm mỏ, khai khoáng, cơ khí chế tạo,...
- + Một số cơ sở lớn, hiện đại trong công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
- + Các cơ sở đảm nhận một phần lưu thông lương thực, vật tư hàng hoá thiết yếu xuất nhập khẩu, ngân hàng, tín dụng,...

Doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong việc phát triển kinh tế đất nước, quyết định nhịp độ tăng trưởng, phát triển kinh tế. Số lượng hàng hoá do các doanh nghiệp này làm ra phải chiếm tỉ trọng lớn (thường $\geq 60\%$ tổng sản phẩm xã hội làm ra). Muốn cho doanh nghiệp Nhà nước phát triển mạnh, đủ sức cạnh tranh trên thị trường thì Nhà nước phải đầu tư, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đó đổi mới công nghệ, tăng cường công tác quản lí toàn diện hướng tới nền sản xuất thích ứng với cơ chế thị trường. Do vai trò quan trọng như vậy, nên doanh nghiệp nhà nước có các nhiệm vụ sau:

- + Sản xuất kinh doanh theo đúng ngành nghề đăng ký và mục đích thành lập doanh nghiệp. Việc thực hiện sản xuất theo đúng đăng ký sẽ giúp cho việc quản lí và định hướng đúng, kiểm soát được tình hình thị trường, tránh tình trạng nhiều doanh nghiệp đổ xô vào sản xuất, kinh doanh một mặt hàng đang có sức tiêu thụ lớn, lợi nhuận cao dẫn đến tình trạng cung vượt cầu, không

tiêu thụ được, gây khủng hoảng thừa, đình trệ sản xuất. Hay mặt hàng nào đó không được chú trọng đầu tư sản xuất, dẫn đến hiện tượng khan hiếm, giá cả tăng lên ảnh hưởng không tốt đến người tiêu dùng.

+ Bảo toàn và phát triển vốn. Vốn của doanh nghiệp là vốn của Nhà nước giao cho tập thể doanh nghiệp đứng đầu là Giám đốc chịu trách nhiệm sử dụng vốn đó vào sản xuất, kinh doanh, lấy thu nhập trả lương cho người lao động, đóng thuế cho Nhà nước và tái sản xuất. Không được sử dụng vốn trái mục đích hoặc làm mất vốn.

+ Thực hiện phân phối theo lao động, chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động. Phân phối theo lao động để đảm bảo sự công bằng xã hội. Bên cạnh đó, việc chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo điều kiện làm việc, ăn ở, sinh hoạt thuận lợi,... Cần được chú trọng. Điều này không những thể hiện chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta đối với người lao động mà còn giúp cho người lao động an tâm gắn bó với doanh nghiệp.

+ Bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, khoa học kỹ thuật cho người lao động.

Nền sản xuất muốn phát triển thì không chỉ đầu tư đổi mới công nghệ mà còn phải nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn của người lao động một cách tương ứng. Nếu không thường xuyên bồi dưỡng thì hậu quả một lúc nào đó người lao động sẽ không thể đảm đương được công việc của doanh nghiệp.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và nghĩa vụ mà Nhà nước giao. Căn cứ vào tình hình phát triển và thị trường, hàng năm Nhà nước giao chỉ tiêu, nhiệm vụ cho doanh nghiệp như: Số lượng hàng hoá làm ra hay số lượng hàng hoá kinh doanh, chỉ tiêu thuế phải nộp,...

+ Bảo vệ doanh nghiệp, bảo vệ sản xuất, môi trường. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Làm tròn nghĩa vụ quốc phòng.

+ Không ngừng nâng cao hiệu quả và mở rộng sản xuất, kinh doanh.

1.4.2 Doanh nghiệp tư nhân

Khái niệm.

Là doanh nghiệp do tư nhân bỏ vốn ra thành lập và làm chủ, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ tài sản, về hoạt động sản xuất kinh doanh.

Muốn thành lập doanh nghiệp phải có vốn lớn hơn vốn pháp định. Vốn pháp định là số vốn tối thiểu mà Nhà nước qui định đối với từng loại doanh nghiệp khác nhau.

Đặc điểm.

+ Doanh nghiệp tư nhân là một đơn vị kinh doanh.

- + Hình thức sở hữu tư nhân.
- + Doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân và không được phát hành chứng khoán.
- + Chủ doanh nghiệp phải chịu toàn bộ trách nhiệm về hoạt động của doanh nghiệp.
- + Theo qui định chủ doanh nghiệp tư nhân chịu trách nhiệm vô hạn về các nghĩa vụ của doanh nghiệp. Xét về mặt pháp lý đây là đặc điểm quan trọng nhất của doanh nghiệp tư nhân.
- + Khi doanh nghiệp tư nhân có nợ, thì chủ doanh nghiệp phải đem toàn bộ tài sản của mình để trả cho các chủ nợ.

Qui chế và thủ tục thành lập.

- + Tất cả công dân Việt Nam tuổi từ 18 trở lên không vi phạm pháp luật, có đầy đủ tư cách pháp nhân đều có quyền đứng ra xin thành lập doanh nghiệp.
- + Những trường hợp không được đứng ra thành lập bao gồm: Cán bộ, công nhân viên Nhà nước đang công tác, sỹ quan quân đội, công an đang tại ngũ.
- + Chủ doanh nghiệp làm đơn và gửi hồ sơ đến các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước. Các cơ quan này xem xét, thẩm tra nếu thấy có đủ điều kiện thì ra quyết định. Khi đó doanh nghiệp đăng ký kinh doanh và đưa doanh nghiệp vào hoạt động.

Quyền hạn và nghĩa vụ.

+ Quyền hạn:

- Chủ doanh nghiệp có quyền lựa chọn ngành nghề và qui mô sản xuất, kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép.
- Được phép thuê lao động và toàn quyền quyết định các phần lợi nhuận còn lại sau khi trả lương, nộp thuế và các khoản đóng góp khác.
- Chủ doanh nghiệp là nguyên đơn và bị đơn trước toà án về các vụ kiện có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

+ Nghĩa vụ:

- Phải khai báo đúng số vốn kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký.
- Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, lao động địa phương và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Phải đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hoá sản xuất ra theo đúng tiêu chuẩn đã đăng ký.
- Chủ doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các qui định về bảo vệ môi trường.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ kiểm toán, chịu kiểm tra tài chính của Nhà nước, nộp đầy đủ nghĩa vụ.

1.4.3 Các công ty

Khái niệm- đặc điểm:

+ Công ty là một loại hình doanh nghiệp do một số thành viên cùng góp vốn sản xuất – kinh doanh, cùng chia lợi nhuận hay cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn của mình. Số vốn của công ty $\geq$ vốn pháp định.

+ Tài sản của công ty thuộc quyền sở hữu của một số thành viên có vốn.

+ Chủ công ty chỉ phải chịu trách nhiệm có giới hạn về hoạt động của công ty.

Các loại hình công ty:

Hiện nay ở nước ta có 2 loại hình công ty: Cổ phần và trách nhiệm hữu hạn.

a. Công ty cổ phần

Đặc điểm (hình 2):

- Công ty cổ phần là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân.

- Công ty cổ phần chỉ chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.

- Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.

- Vốn điều lệ của công ty được chia thành nhiều phần nhỏ bằng nhau gọi là cổ phần.

- Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng để huy động vốn.

- Sự ra đời của công ty cổ phần gắn liền với sự ra đời của thị trường chứng khoán.

- Là loại hình công ty mà số thành viên tham gia phải nhiều hơn số thành viên theo qui định (qui định ít nhất là 3 người). Với số vốn ban đầu ghi trong điều lệ (gọi là vốn điều lệ) lớn hơn hoặc bằng vốn pháp định.

Cổ phần cổ đông

- Cổ phiếu là giấy chứng nhận phần góp vốn vào công ty, trên mỗi phiếu có ghi mệnh giá. Cổ phiếu là tài sản của cá nhân người góp vốn, có thể mua hoặc bán trên thị trường. Người có cổ phiếu được gọi là cổ đông, cổ đông có thể là một tổ chức, cá nhân. Một cổ đông có thể mua nhiều cổ phiếu.

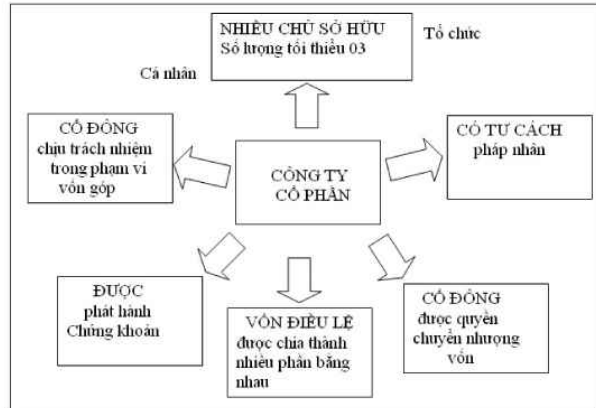
Quyền và nghĩa vụ cổ đông:

- Tham dự đại hội cổ đông

- Nhận cổ tức

- Được quyền bầu cử và ứng cử vào bộ máy quản trị và kiểm soát công ty.

- Chuyển nhượng cổ phiếu



Hình 2: Đặc điểm của công ty cổ phần

- Chịu trách nhiệm về việc thua lỗ hoặc phá sản của công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.

Cổ phiếu có các đặc tính chung sau:

- Cổ phiếu có thể có nhiều giá:

+ Mệnh giá: giá trị ban đầu ghi trên cổ phiếu

+ Thị giá: giá mua bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

+ Thư giá: giá cổ phiếu dựa trên sổ sách kế toán của công ty.

- Cổ phiếu có thể được lưu thông, chuyển nhượng trên thị trường như một loại hàng hoá.

- Cổ phiếu có thể được thừa kế và làm tài sản thế chấp, cầm cố trong quan hệ tín dụng.

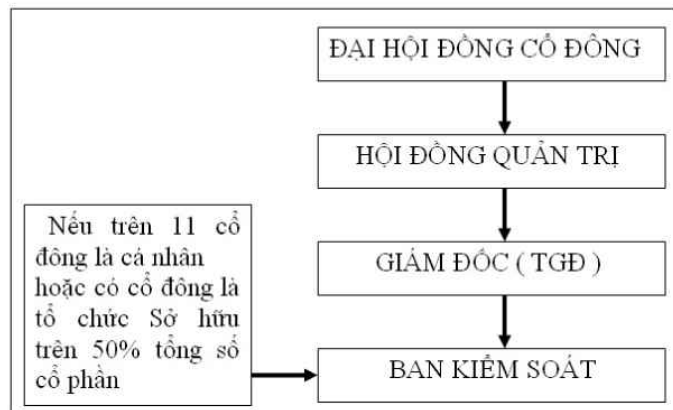
Trái phiếu:

- Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.

- Công ty chỉ được phát hành trái phiếu, khi đã thanh toán đủ cả nợ gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành.

Cơ cấu quản lý:

(hình 3)



Hình 3: Cơ cấu quản lý của công ty cổ phần

- Một trong những đặc điểm của công

ty cổ phần là quản lý tập chung thông qua cơ cấu hội đồng.

- Do số lượng cổ đông lớn, vì vậy đòi hỏi cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần phải hết sức chặt chẽ.

Đại hội cổ đông:

- Đại hội cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty

- Gồm tất cả các cổ đông biểu quyết

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách lập ít nhất trước 30 ngày đại hội.

- Đại hội đồng cổ đông họp thường nên ít nhất mỗi năm một lần.

- Đại hội đồng cổ đông phải họp thường nên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12)

Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày đối với những trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
- Số thành viên còn lại của công ty ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.
- Theo yêu cầu của ban kiểm soát.

Điều kiện tiến hành đại hội cổ đông:

- Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Cuộc họp đại hội cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại hội ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp triệu tập cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện thì họp lần thứ 3 được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Quyền và nhiệm vụ của đại hội cổ đông:

- Thông qua định hướng phát triển công ty.
- Quyết định loại và số lượng cổ phần chào bán,
- Bầu, bãi nhiệm hội đồng quản trị, ban kiểm soát.
- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của công ty.
- Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm
- Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.

b. Công ty trách nhiệm hữu hạn (CTTNHH).

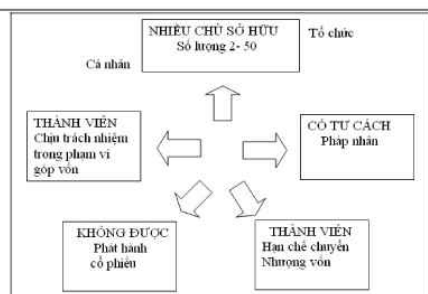
Đặc điểm:

Công ty có tư cách pháp nhân.

Là loại hình công ty có từ 2 thành viên trở lên tham gia góp vốn, phần góp vốn phải đóng đủ ngay khi thành lập và được ghi vào điều lệ của công ty.

Thành viên chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp.

Công ty không được phép phát hành các loại cổ phiếu và trái phiếu.



Hình 4: Đặc điểm công ty TNHH

Việc chuyển nhượng vốn giữa các thành viên trong công ty được tiến hành tự do nhưng không được chuyển cho người ngoài công ty nếu không được sự đồng ý của đa số thành viên đại diện cho vốn điều lệ.

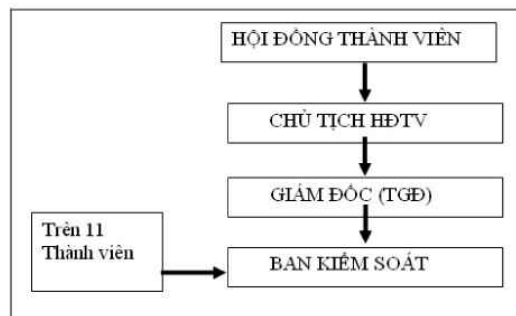
Qui chế thành lập công ty: như qui chế thành lập doanh nghiệp.

Khi cần nhu cầu vốn công ty có thể vay ngân hàng, tín dụng, xin viện trợ hay kết nạp thêm thành viên mới.

Ngoài các loại hình doanh nghiệp trên, trong nước ta hiện nay còn có các loại hình doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là loại hình đang được nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện phát triển. Qui chế thành lập và hoạt động của doanh nghiệp cũng giống như doanh nghiệp trong nước nhưng phải tuân theo luật đầu tư nước ngoài và tuân theo pháp luật Việt Nam.

Tổ chức quản lý:

- Hội đồng thành viên:
- + Bao gồm tất cả thành viên
- + Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty
- + Hoạt động theo chế độ tập thể không thường xuyên
- + Họp ít nhất mỗi năm một lần



Hình 5: Cơ cấu quản lý CTTNHH

+ Hội đồng thành viên có thể được triệu tập họp bất thường theo yêu cầu của chủ tịch hội đồng thành viên hoặc thành viên (nhóm thành viên) sở hữu trên 25% vốn điều lệ.

Quyền và nhiệm vụ của hội đồng thành viên:

- Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty
- Tăng, giảm vốn điều lệ
- Bầu miễn nhiệm chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc (tổng giám đốc)
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm
- Phân chia lợi nhuận
- Thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện
- Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty
- Tổ chức lại công ty, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.

Điều kiện và thể thức tiến hành họp hội đồng thành viên:

- Cuộc họp hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp ít nhất 75% vốn điều lệ.
- Nếu lần một không thành thì tiến hành họp lần hai, số thành viên dự họp ít nhất 50% vốn điều lệ.

- Trường hợp họp lần thứ hai không thành thì họp lần thứ ba và không phụ thuộc số thành viên dự họp.

Chủ tịch hội đồng thành viên: Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm chủ tịch. Chủ tịch hội đồng thành viên có thể kiêm giám đốc (tổng giám đốc) công ty. Nhiệm kỳ của chủ tịch hội đồng thành viên không quá ba năm. Chủ tịch hội đồng thành viên có thể được bầu lại.

Chế độ vốn và tài chính:

- Vốn điều lệ công ty do các thành viên góp.
- Khi góp đủ giá trị phần vốn góp, thành viên sẽ được công ty cấp giấy chứng nhận góp vốn.
- Thành viên không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết, thì số vốn chưa góp được coi là nợ của thành viên đó đối với công ty.
- Sau thời gian cam kết lần cuối mà vẫn có thành viên chưa góp đủ số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp được xử lý theo một trong những cách sau:
 - Một hoặc một số thành viên nhận góp đủ số vốn chưa góp
 - Huy động người khác cùng góp vốn vào công ty
 - Các thành viên còn lại góp đủ số vốn chưa góp theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty.

c. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

Khái niệm:

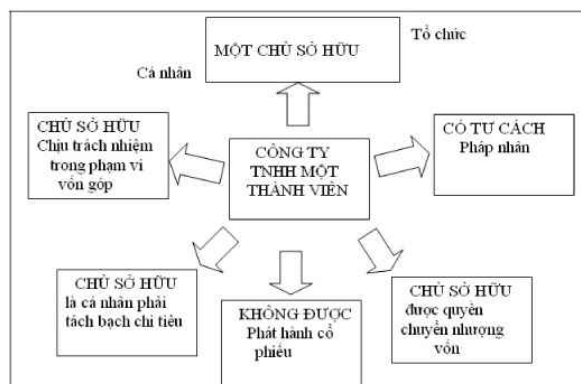
Công ty TNHH một thành viên là một hình thức đặc biệt của công ty trách nhiệm hữu hạn.

Đặc điểm:

- Công ty một chủ sở hữu là một tổ chức hay một cá nhân.
- Công ty có tư cách pháp nhân
- Chủ sở hữu được quyền chuyển nhượng vốn
- Không được phát hành cổ phiếu
- Chủ sở hữu chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp.

Cơ cấu tổ chức của công ty:

- Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền với nhiệm kỳ không quá 5 năm để quản lý công ty.



Hình 6: Đặc điểm công ty TNHH 1 thành viên